

Số: 58/BC-PNN

Trà Cú, ngày 19 tháng 6 năm 2023

**BÁO CÁO**  
**Tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm**  
**và kế hoạch công tác 6 tháng cuối năm 2023**

---

Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn từ đầu năm đến nay ngành Nông nghiệp bên cạnh những thuận lợi, cũng gặp những khó khăn nhất định đó là: mùa khô nắng nóng, mùa mưa lượng mưa nhiều và liên tục làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất trên cây trồng, vật nuôi và động vật thủy sản; tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi vẫn còn xảy ra cục bộ và diễn biến phức tạp như: Bệnh dịch tả heo Châu Phi, lở mồm long móng, viêm da nổi cục trên gia súc; giá cả các mặt hàng nông sản không ổn định như tôm thẻ heo hơi, gà, vịt giá thấp vào hiện tại làm ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị sản xuất của ngành. Tuy nhiên được sự quan tâm chỉ đạo sâu sắc, kịp thời của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, Sở Nông nghiệp - PTNT tỉnh và các Ban, Ngành hữu quan cùng sự nỗ lực quyết tâm của tập thể Cán bộ của ngành, cùng với chính quyền các xã, thị trấn; chủ động tổ chức, thực hiện sản xuất đạt kết quả theo kế hoạch đề ra; nhìn chung sản xuất 06 tháng đầu năm có bước phát triển và đạt được nhiều kết quả quan trọng cụ thể như sau:

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**1. Công tác tham mưu chỉ đạo, điều hành:**

**Công tác tham mưu: Phòng Nông nghiệp tham mưu ban hành văn bản thuộc thẩm quyền:**

Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 15/02/2023 về việc phê duyệt kế hoạch phòng, chống dịch bệnh Dịch tả heo Châu Phi trên địa bàn xã Ngọc Biên, huyện Trà Cú;

Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 về việc thành lập Tổ vận động, tuyên truyền Nhân dân thực hiện dự án đầu tư xây dựng bố trí dân cư khẩn cấp di dời các hộ dân có nguy cơ mất an toàn tính mạng và tài sản xã Định An, huyện Trà Cú

Công văn 158 ngày 17/02/2023 của UBND huyện uốn nắn về công tác phòng, chống dịch bệnh trên động vật

Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 30/01/2023 - về phát triển chăn nuôi và phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn huyện Trà Cú năm 2023

Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 về việc công bố dịch bệnh Dịch tả heo Châu Phi trên địa bàn xã Ngọc Biên, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh

Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 về việc công bố dịch bệnh Dịch tả heo Châu Phi trên địa bàn xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh

Công văn số 156/UBND-TH ngày 17/02/2023 về việc cung cấp tọa độ khu đất thực hiện dự án di dân khẩn cấp khu vực sạt lở nguy hiểm xã Định An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh

Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 18/02/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch dập dịch bệnh Dịch tả heo Châu Phi trên địa bàn xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú

Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 22/02/2023 về việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng khẩn cấp di dời các hộ dân có nguy cơ mất an toàn tính mạng và tài sản trên địa bàn huyện Trà Cú

Công văn số 193/UBND-TH ngày 27/02/2023 - về việc chọn Hợp tác xã làm điểm để củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động

Công văn số 213/UBND-VX ngày 02/3/2023 về việc tăng cường công tác phòng, chống bệnh cúm gia cầm lây nhiễm sang người trên địa bàn huyện

Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 15/2/2023 - Phát triển sản phẩm OCOP năm 2023 trên địa bàn huyện Trà Cú

Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng hệ thống đê bao Nam rạch Trà Cú, huyện Trà Cú

Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 - về việc ban hành Kế hoạch phát triển ổn định vùng trồng mía theo hướng liên kết tập trung trên địa bàn huyện Trà Cú giai đoạn 2023 – 2025

Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo trồng mía trên địa bàn huyện Trà Cú

Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 - về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và động vật thủy sản trên địa bàn huyện Trà Cú

Kế hoạch số 03/KH-DGS ngày 14/3/2023 kế hoạch chi tiết giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025

Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 về việc công bố hết dịch bệnh Dịch tả heo Châu Phi trên địa bàn xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh

Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 về việc công bố hết dịch bệnh Dịch là heo Châu Phi trên địa bàn xã Ngọc Biên, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh

Thông báo số 785/TB-UBND ngày 17/4/2023 - Lịch xuống giống lúa vụ hè thu năm 2023

Công văn số 523/UBND-TH ngày 19/4/2023 - về việc Tổ chức đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP đợt 1/2023

Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 - về việc thành lập tổ giúp việc Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện Trà Cú

Quyết định số 1059/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 về việc thành lập Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện Trà Cú

Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 21/4/2023 về việc phê duyệt số hộ, kinh phí hỗ trợ hộ chăn nuôi bị thiệt hại do dịch bệnh Dịch tả heo Châu Phi năm 2023 trên địa bàn xã Ngọc Biên và Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú

Công văn số 575/UBND-TH ngày 27/4/2023 - về việc rà soát, tăng cường công tác tiêm phòng vắc-xin phòng bệnh cho đàn vật nuôi trên địa bàn huyện

Kế hoạch số 36A/KH-UBND ngày 14/4/2023 - Triển khai thực hiện Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 27/3/2023 của UBND tỉnh về việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, chuẩn bị làm việc với Đoàn thanh tra của Ủy ban Châu Âu lần thứ 4 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng ảnh hưởng xâm nhập mặn

Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 về việc phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí của Ban chỉ đạo huyện, Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023

Công văn số 807/UBND-TH ngày 14/6/2023 - Uốn nắn công tác tiêm phòng các loại vắc xin trên đàn gia súc, gia cầm

Quyết định số 2397/QĐ-UBND ngày 9/6/23 - Phân công nhiệm vụ cho cơ quan quản lý Nhà nước đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn huyện Trà Cú.

**Công tác điều hành:** Phòng Nông nghiệp ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền:

- Công văn số 10- PNN ngày 07/3/2023 “ Về việc rà soát tổng hợp danh sách tàu cá tại địa phương:

- Công văn số 11-PNN ngày 10/3/2023 “ Về việc rà soát, tổng hợp danh sách hỗ trợ trực tiếp tham gia thực hiện lúa chất lượng cao;
- Công văn số 15-PNN ngày 21/3/2023 “ Về việc triển khai đánh giá, phân loại HTX NN năm 2022”;
- Công văn số 18-PNN ngày 24/3/2023 “ Về việc đăng ký chủ thể thực hiện chính sách hỗ trợ cơ sở tham gia OCOP năm 2023”;
- Công văn số 20-PNN ngày 29/3/2023 “ Về việc báo cáo tiến độ triển khai chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp năm 2023”;
- Công văn số 21-PNN ngày 04/4/2023 “ Về việc tổng hợp, báo cáo tình hình phát triển trang trại đầu năm 2023 và Kế hoạch cuối năm 2023”;
- Công văn số 30-PNN ngày 24/4/2023 “ Về việc cung cấp thông tin phục vụ làng nghề”;
- Công văn số 35-PNN ngày 10/5/2023 “ Về việc rà soát định hướng phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2023 - 2025”;
- Công văn số 45-PNN ngày 16/5/2023 “ Về việc phối hợp cung cấp số liệu diện tích chuyển đổi sang cây trồng khác khác 6 tháng đầu năm”
- Công văn số 58-PNN ngày 06/6/2023 “Về việc chọn xây dựng vườn ươm theo tiêu chuẩn Hữu Cơ”

## 2. Tình hình sản xuất

### a) Trồng trọt

- Cây lúa: Thực hiện 27.615,85 ha, đạt 70,63 % kế hoạch

\* **Vụ lúa mùa:** Xuống giống 581,7 ha. Năng suất 4,563 tấn/ha, sản lượng 2.654,2 tấn, đạt 100 % diện tích gieo trồng. So cùng kỳ, tăng 44,17 ha, năng suất giảm 0,28 tấn / ha, sản lượng tăng 49,52 tấn. Diện tích tăng so năm trước do trồng trên đất mía bỏ vụ ở xã Kim Sơn, diện tích trồng trên đất ruộng nuôi trồng thủy sản vào mùa mưa nước ngọt ở xã Hàm Tân.

\* **Vụ đông xuân 2022-2023:** Xuống giống 12.634,15 ha, đạt 112,8% so kế hoạch (11.200 ha). Năng suất 6,541 tấn/ha, sản lượng 82.639,98 tấn, đạt 100 % diện tích gieo trồng. So cùng kỳ, tăng 99,29 ha, năng suất giảm 0,09 tấn / ha, sản lượng giảm 423,15 tấn. Diện tích tăng so năm trước do nguồn nước ngọt dồi dào, nông dân có điều kiện xuống giống đồng loạt theo lịch xuống giống của địa phương.

\* **Vụ hè thu năm 2023:** Xuống giống 14.400 ha đạt 100% so kế hoạch (14.400 ha) tăng 187,5 ha so cùng kỳ. Tình hình sâu, bệnh/ngập úng:

Tình hình sâu, bệnh/ngập úng lúa hè thu:

Lúa chủ yếu trong giai đoạn mới xuống giống và giai đoạn mạ, đẻ nhánh nên sâu bệnh gây hại không đáng kể.

+ Bệnh đạo ôn có điều kiện phát triển do điều kiện thời tiết nắng mưa xen kẽ, chủ yếu mưa vào chiều tối, nông dân đang dặm tĩa và bón phân đợt 2. Trên các giống OM 5451, OM18, OM576,.

+ Sâu cuốn lá: Chủ yếu đang ở tuổi 2, 3. Trên một số diện tích sâu có hiện tượng gổì lúa trên trà lúa giai đoạn 25 – 30 ngày sau sạ.

+ Các đối tượng sâu khác như: Bọ trĩ, sâu keo, chuột có gây hại nhưng mật số, tỷ lệ thấp.

Diện tích lúa bị thiệt hại do mưa lớn, không thoát nước kịp gây ngập úng trên diện tích mới xuống giống 25,5 ha, tỷ lệ 30 – 50% ở các xã Tập Sơn, Ngãi Xuyên, Thanh Sơn. Hiện nông dân đã khắc phục xong.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Thực hiện 7.176,2 ha, đạt 71,64 % kế hoạch (10.017 ha), tăng 543,46 ha so cùng kỳ. Trong đó:

\***Cây màu lương thực:** Xuống giống 1.256,94 ha, đạt 62,85% kế hoạch (2.000 ha) tăng 107,89 ha so cùng kỳ. Gồm có:

+ Bắp: Xuống giống 806,1 ha.

+ Khoai lang: Xuống giống 219,21 ha.

+ Khoai mì: Xuống giống 160,45 ha.

+ Cây có bột khác: Xuống giống 71,18 ha.

\* **Màu thực phẩm:** Xuống giống 3.352,05 ha, đạt 66,64% kế hoạch (5.030 ha), tăng 61,8 ha so cùng kỳ. Gồm: rau các loại 3.213,8 ha; đậu các loại 138,25 ha.

\* **Cây công nghiệp và Cây hàng năm khác:** diện tích 2.567,21 ha, đạt 85,95% kế hoạch (2.987 ha), tăng 373,77 ha so cùng kỳ. Trong đó:

+**Cây công nghiệp ngắn ngày:** Xuống giống 1.407,4 ha, đạt 94,65% kế hoạch (1.487 ha), tăng 157,21 ha so cùng kỳ.

Đậu phộng: Xuống giống 222,95 ha, đạt 85,75% kế hoạch (260ha).

Mía: Xuống giống 1.170,85 ha, đạt 97,57% kế hoạch (1.200 ha).

Cây lác: Đến nay 13,6 ha, đạt 50,37 % so kế hoạch (27ha).

+ **Cây hàng năm khác:** 1.159,81 ha,

Cây khác: Xuống giống 307,21 ha.

Cây cỏ chăn nuôi: Xuống giống 852,6 ha, đạt 56,84% kế hoạch (1.500ha). Trong đó: (trồng mới 101,86 ha, lưu gốc 750,74 ha).

\* Thu hoạch mía niên vụ 2022-2023: 1.121,57 ha, năng suất bình quân 106,1 tấn /ha, sản lượng 118.988,58 tấn, đạt 100 % so diện tích xuống giống (1.121,57 ha). So cùng kỳ, tăng 28,57 ha, năng suất tăng 6,1 tấn / ha, sản lượng tăng 9.698,58 tấn.

- Cây lâu năm: Diện tích trồng mới đến nay 6,3 ha (cây dứa 0 ha, cây ăn trái 6,3 ha), giảm 0,04 ha so cùng kỳ.

Sản lượng thu hoạch cây ăn trái 9.637,56 tấn, tăng 138,86 tấn so cùng kỳ.

#### - Công tác bảo vệ thực vật:

Kết quả thực hiện công tác dự tính, dự báo, hướng dẫn, tập huấn nông dân phòng trừ sâu, bệnh trên các loại cây trồng:

Dự tính dự báo tình hình sâu hại trên cây trồng: huyện dự vào 02 bẫy đèn giám sát côn trùng thông minh trên địa bàn 02 xã Tân Hiệp và Tân Sơn.

Tập huấn kỹ thuật canh tác và phòng trừ sâu bệnh trên lúa Đông xuân và Hè thu được 19 cuộc có 716 nông dân tham dự.

Các mô hình phòng bệnh trên lúa, màu, cây ăn trái...: Huyện áp dụng mô hình (Bảng tin thời tiết nông vụ do Trung tâm kỹ thuật dịch vụ nông nghiệp phối hợp Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật tỉnh xây dựng)

#### **Phân tích những thuận lợi và khó khăn:**

**Thuận lợi:** Giá phân bón, thuốc BVTV, giống lúa tương đối bình ổn nhưng còn ở mức cao ( Urea 800.000 đồng/ bao, NPK: 20-20-15 giá 1.150.000 đồng/ bao), nhân công lao động nông nghiệp do vào vụ nên khan hiếm lao động gây hạn chế tiến độ sản xuất.

**Khó khăn:** vào đầu vụ Hè thu mưa nhiều nên ảnh hưởng đến sự phát triển một số cây trồng cạn như rau các loại nhất là họ rau cải giảm năng suất.

**Giá cả đầu ra và tình hình tiêu thụ:** lúa thương phẩm tăng ở mức 6.700 – 7.000 đồng/ ký, và tình hình tiêu thụ có thương lái thu mua thường xuyên, hiệu quả kinh tế của người sản xuất có lợi nhuận khá; giá một số cây màu tăng cao như rau ăn lá, rau gia vị, giá có mức dao động 15.000 – 25.000 đồng/kg người trồng có thu nhập cao, tuy nhiên năng suất ở mức trung bình đến thấp nên lợi nhuận bình quân không cao.

#### **b) Chăn nuôi:**

**Tình hình dịch bệnh:** Ngay từ những tháng đầu năm bệnh dịch tả heo Châu Phi xảy ra tại 02 ấp của 02 xã (Ngọc Biên, Lưu Nghiệp Anh). Tổng số heo mắc bệnh 21 con trên tổng đàn 21 con của 02 hộ (đã tiêu hủy 21 con, trọng lượng 1.310 kg). Đến nay, tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm ổn định, chưa phát sinh trường hợp bệnh hoặc nghi bệnh.

#### **\* Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển đàn vật nuôi**

- Tổng đàn trâu, bò : 49.865 con, đạt 94,08 % so kế hoạch (53.000 con), tăng 2.198 con so cùng kỳ.

- Tổng đàn heo: 35.350 con, đạt 58,92 % so kế hoạch (60.000 con), tăng 5.030 con so cùng kỳ

- Tổng đàn gia cầm: 828.100 con, đạt 55,21% so kế hoạch (1.500.000 con, tăng 43.000 con so cùng kỳ.

#### **Kiểm soát giết mổ và kiểm dịch động vật:**

Kiểm soát giết mổ: tổng số 16.365 con (heo 16.150 con, bò 215 con).

Kiểm dịch động vật: động vật xuất tỉnh 9.250 con bò.

kết quả tiêm phòng:

+ Tiêm phòng thông thường trên đàn gia súc 35.400 liều. Gồm: Dịch tả 11.800 liều, Tụ huyết trùng 11.800 liều, Phó thương hàn 11.800 liều.

+ Tiêm phòng các loại vaccin khác: Tổng số 268.106 liều. (gồm: Dịch tả vịt 24.000 liều, Newcatson 42.500 liều, Gum 42.500 liều, Đậu 41.500 liều, Tụ huyết trùng gà 21.300 liều, cúm gia cầm 77.150 liều, Lở mồm

long móng 17.086 liều, Viêm da nổi cục trâu, bò 225 liều, Đại chó 1.845 liều).

\* kết quả thực hiện công tác tiêu độc khử trùng (diện tích, số hộ, lượng thuốc sử dụng).

**Công tác tiêu độc khử trùng trong lúc phát dịch:**

- Phun xịt chợ: 01 chợ/01 lần, diện tích 1.000 m<sup>2</sup>, sử dụng 01 lít hóa chất.

- Phun xịt tiêu độc, khử trùng dập dịch: thực hiện tiêu độc khử trùng dập dịch bệnh dịch tả heo Châu Phi, tại xã Ngọc Biên, Lưu Nghiệp Anh và vùng đệm xã Hiệp Hòa huyện Cầu Ngang được 2.620 lượt hộ, 16.809 heo, diện tích phun xịt 103.500 m<sup>2</sup>, sử dụng 117 lít hóa chất.

**Công tác tiêu độc khử trùng theo kế hoạch:**

-Phun xịt tháng hành động đợt 1 năm 2023: diện tích phun xịt 1.185.520 m<sup>2</sup>, sử dụng 601 lít hóa chất cho 15.913 hộ chăn nuôi.

-Thực hiện phun xịt, tiêu độc khử trùng dập dịch dịch tả heo châu phi theo kế hoạch xã Ngọc Biên và kế hoạch xã Lưu Nghiệp Anh và vùng đệm của xã Hiệp Hòa huyện Cầu Ngang Kết quả: Phun xịt 17.755 lượt hộ, 27.649 con heo, sử dụng 671 lít hóa chất.

**Thuận lợi:** Tình hình dịch bệnh dịch tả heo châu phi, bệnh viêm da nổi cục trâu bò tiếp tục được khống chế nên việc giao thương sản phẩm chăn nuôi luôn được thông suốt.

Trên địa bàn có nhiều cơ sở thu mua nên tình trạng ứ đọng sản phẩm không xảy ra.

**Khó khăn:**

**Các yếu tố đầu vào:** Giá con giống, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y luôn ở mức cao.

**Giá cả đầu ra:** Không ổn định, như giá heo hơi tăng, giảm bất thường, giá gà thấp.

Hiệu quả kinh tế của người chăn nuôi: Do hộ chăn nuôi phần lớn chăn nuôi quy mô nhỏ nên khó liên kết với các doanh nghiệp ngoài tỉnh nên thu nhập lợi nhuận không cao...

**Thủy sản:**

Sản lượng nuôi: Tổng số 22.830,95 tấn đạt 41,4 % so kế hoạch (55.090 tấn), tăng 131,55 tấn so cùng kỳ.

Sản lượng khai thác: Tổng số 13.233,86 tấn, đạt 46,52% so kế hoạch (28.450 tấn), tăng 688,2 so cùng kỳ.

**- Nuôi thủy sản:**

Thả nuôi: Số hộ thả nuôi 3.979 lượt hộ, lượng con giống 334.875.730 con, diện tích thả nuôi 885,63 ha, đạt 50,04 % so kế hoạch (1.770 ha), tăng 85,63 ha so cùng kỳ.

Thu hoạch: Số hộ thu hoạch 576 lượt hộ, sản lượng 22.830,95 tấn, diện tích thu hoạch 774,4 ha, đạt 41,4 % so kế hoạch (55.090 tấn), tăng 131,55 tấn so cùng kỳ, bao gồm:

+ Vùng nước mặn, lợ:

Thả nuôi: Số hộ thả nuôi 2.900 lượt hộ, lượng con giống 210.274.480 con, diện tích thả nuôi 588,43 ha, đạt 53,49 % so kế hoạch (1.100 ha), tăng 66,83 ha so cùng kỳ.

Thu hoạch: Số hộ 213 lượt hộ, sản lượng 2.560,83 tấn, diện tích thu hoạch 457,3 ha, đạt 29,92 % so kế hoạch (8.560 tấn). Tăng 918,63 tấn so cùng kỳ.

Tình hình dịch bệnh: ổn định không phát hiện mới

\* Tôm sú:

Thả nuôi: Số hộ thả nuôi 129 hộ, lượng con giống 9.515.940 con, diện tích thả nuôi 56,65 ha, đạt 113,3 % kế hoạch (50 ha), giảm 4,3 ha so cùng kỳ, nguyên nhân giảm do nước mặn trở nên diện tích nuôi giảm.

Thu hoạch: Sản lượng 6,63 tấn, diện tích thu hoạch 40,5 ha, đạt 18,94 % so kế hoạch (35 tấn), giảm 0,37 tấn so cùng kỳ.

\* Tôm thẻ:

Thả nuôi: Số hộ thả nuôi 2.670 lượt hộ, lượng con giống 198.573.540 con, diện tích thả nuôi 481,38 ha, đạt 48,14 % so kế hoạch (1.000ha), tăng 66,63 ha so cùng kỳ, nguyên nhân tăng do thời gian nuôi ngắn

Thu hoạch: Số hộ 211 lượt hộ, sản lượng 2.545,4 tấn, diện tích thu hoạch 363,5 ha, đạt 29,95 % so kế hoạch (8.500 tấn), tăng 917,5 tấn so cùng kỳ.

\* Cua biển:

Thả nuôi: Số hộ thả nuôi 101 hộ, lượng con giống 2.185.000 con, diện tích thả nuôi 50,4 ha, đạt 100,8% so kế hoạch (50ha), tăng 4,5 ha so cùng kỳ, nguyên nhân tăng do giá ổn định nên kích thích người nuôi.

Thu hoạch: Sản lượng 8,8 tấn, diện tích thu hoạch 53,3 ha, đạt 35,2 % so kế hoạch (25 tấn), tăng 1,5 tấn so cùng kỳ.

+ Vùng nước ngọt:

Thả nuôi: Số hộ thả nuôi 1.079 lượt hộ, lượng con giống 124.601.250 con, diện tích thả nuôi 297,2 ha, đạt 44,36 % so kế hoạch (670 ha), tăng 18,8 ha so cùng kỳ.

Thu hoạch: Số hộ 363 lượt hộ, sản lượng 20.270,12 tấn, diện tích thu hoạch 317,1 ha, đạt 43,56 % so kế hoạch (46.530 tấn), giảm 787,08 tấn so cùng kỳ.

Tình hình dịch bệnh: ổn định không phát hiện mới

\* **Tôm càng xanh:**

**Thả nuôi:** Số hộ thả nuôi 198 hộ, lượng con giống 12.886.250 con, diện tích thả nuôi 40,4 ha, đạt 80,8 % so kế hoạch (50 ha), tăng 40,4 ha so



cùng kỳ, nguyên nhân tăng do môi trường nước thuận lợi, nên các hộ nuôi tiến hành thả nuôi sớm hơn so cùng kỳ.

**Thu hoạch:** : đến nay sản lượng 20,5 tấn, diện tích thu hoạch 48,2 ha, đạt 68,33 % so kế hoạch (30 tấn), tăng 7,3 tấn so cùng kỳ.

**\* Cá lóc:**

**Thả nuôi:** Số hộ thả nuôi 790 lượt hộ, lượng con giống 104.720.000 con, diện tích thả nuôi 211,8 ha, đạt 50,43% so kế hoạch (420ha), giảm 47,1 ha so cùng kỳ, nguyên nhân giảm do năm 2022 giá bán thấp nên hộ nuôi chuyển sang các loại thủy sản khác.

**Thu hoạch:** Số hộ 244 lượt hộ, sản lượng 18.765,8 tấn, diện tích thu hoạch 184,5 ha, đạt 44,86 % so kế hoạch (4.200 tấn), giảm 40,3 tấn so cùng kỳ.

**\* Cá thát lát:** Số hộ thả nuôi 13 hộ, lượng con giống 6.890.000 con, diện tích thả nuôi 16,5 ha. (ngoài chỉ tiêu kế hoạch của huyện)

**\* Cá các loại:**

**Thả nuôi:** Đến nay số hộ thả nuôi 78 hộ, lượng con giống 105.000 con, diện tích thả nuôi 28,5 ha, đạt 14,25 % so kế hoạch (200 ha), tăng 9 ha so cùng kỳ.

**Thu hoạch:** Sản lượng 1.478,02 tấn, diện tích thu hoạch 84,4 ha, đạt 32,84 % so kế hoạch (4.500 tấn), giảm 756,98 tấn so cùng kỳ.

**\* Thủy sản khác:** Sản lượng 5,8 tấn, tăng 2,9 tấn so cùng kỳ (ngoài kế hoạch).

***Đánh giá những thuận lợi, khó khăn:***

Về thời tiết: Bước vào đầu vụ hè thu lượng mưa nhiều nên ảnh hưởng đến việc nuôi trồng thủy sản như: Tiềm ẩn phát sinh các loại dịch bệnh, môi trường nuôi đột ngột thay đổi gây sốc cho các loài thủy sản nuôi dẫn đến hạn chế khả năng tăng trọng.

Các yếu tố đầu vào: Giá con giống, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y luôn ở mức cao.

Giá cả đầu ra và tình hình tiêu thụ: Trên địa bàn có nhiều cơ sở thu mua nên tình trạng ứ đọng sản phẩm không xảy ra, nhưng giá bán thấp nên ảnh hưởng đến việc tái sản xuất.

Hiệu quả kinh tế của người nuôi của một số con nuôi chính:

\* **Tôm thẻ chân trắng:** giá thành sản xuất 100 con/kg tương đương 75.000 đồng. hiện nay giá bán 60.000 – 65.000 đồng/kg, dẫn đến người nuôi không có lợi nhuận.

\* **Cá lóc:** giá thành sản xuất 38.000 - 40.000 đồng/kg. hiện nay giá bán 52.000 – 55.000 đồng/kg, người nuôi có lợi nhuận.

- Khai thác thủy, hải sản:

\***Tổng sản lượng khai thác:** tổng số 13.233,86 tấn, đạt 46,52 % so kế hoạch (28.450 tấn).

*Khai thác biển:* tổng số 12.527,66 tấn, đạt 46,31% so kế hoạch (27.050 tấn). Trong đó: Tôm các loại: 577 tấn; Cá các loại: 7.926,08 tấn; Hải sản khác: 4.024,58 tấn.

*Khai thác nội địa:* 706,2 tấn, đạt 50,44% kế hoạch (1.400 tấn). Trong đó: Tôm các loại 9,65 tấn; Cá các loại 214,2 tấn; Thủy sản khác 482,35 tấn.

### **3. Phát triển nông thôn**

a) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

Công tác tuyên truyền trong tháng và lũy kế đến kỳ báo cáo: Đến nay 160 cuộc, có 4665 lượt người dự

Công nhận ấp, hộ đạt chuẩn nông thôn mới:

- Gia đình văn hóa, nông thôn mới: Trên địa bàn 15 xã có 37.242 / 40.431 hộ gia đình đăng ký tham gia, tỷ lệ 92,11 %.

- Ấp nông thôn mới: Đến nay có 111/115 ấp đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 96,5%.

- Xã nông thôn mới nâng cao: có 04 xã gồm Ngọc Biên, Đại An, Tập Sơn, Long Hiệp), cụ thể xã Ngọc Biên và Đại An tiếp tục nâng chất các tiêu chí bị tụt giảm so với bộ tiêu chí mới, xã Tập Sơn tiếp tục thực hiện xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023, xã Long Hiệp tiếp tục phấn đấu xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

Kết quả thực hiện các nhóm tiêu chí:

- Huyện NTM: Huyện nông thôn mới: Qua rà soát, đánh giá kết quả thực hiện 09 tiêu chí huyện NTM theo Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh, huyện Trà Cú đạt 5/9 tiêu chí.

- Xã NTM: Qua rà soát, đánh giá kết quả thực hiện 19 tiêu chí xã NTM theo Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh, trên địa bàn huyện, cụ thể: Đã tổ chức lễ công bố quyết định công nhận xã Ngãi Xuyên, Kim Sơn, Hàm Giang đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022, giai đoạn 2021- 2025. Đối với 12 xã còn lại kết quả nâng chất theo Bộ tiêu chí mới đến thời điểm hiện nay có 02 xã đạt 18/19 tiêu chí, 01 xã đạt 17/19 tiêu chí, 09 xã đạt 16 tiêu chí.

- Xã NTM nâng cao:

+ Xã Ngọc Biên: Đạt 16/19 tiêu chí

+ Xã Đại An: Đạt 15/19 tiêu chí

+ Xã Tập Sơn: Đạt 13/19 tiêu chí

+ Xã Long Hiệp: Qua kết quả rà soát, tự đánh giá đạt 9 tiêu chí (gồm tiêu chí 2, 3, 4, 5, 6, 15,16, 18, 19).

- Kết quả giải ngân nguồn vốn đầu tư trong tháng và lũy kế đến kỳ báo cáo, gồm:

+ Vốn hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ bản: 25,654/78,719 tỷ đồng

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất: 3,290 tỷ đồng (chưa giải ngân)

## **b) Ngành nghề nông thôn và Chương trình OCOP:**

- Làng nghề: Đến nay Làng nghề truyền thống của huyện đã được UBND tỉnh ra Quyết định công nhận 03 Làng nghề dệt chiếu xã Hàm Tân; Làng nghề sản xuất các sản phẩm từ tre, trúc, tầm vong xã Hàm Giang; Làng nghề đan lát xã Đại An với tổng cộng có 09 tổ hợp tác với 204 thành viên, 02 cơ sở sản xuất doanh nghiệp và 278 hộ cá thể và giải quyết việc làm lao động tại chỗ chủ yếu là người già và người nội trợ cho khoảng 1.508 lao động. Thu nhập bình quân 01 lao động khoảng 5,4 đến 6 triệu đồng/người/tháng. Góp phần thay đổi diện mạo nông thôn, xây dựng NTM. Cùng với sự phát triển của các làng nghề truyền thống cũng giúp giữ gìn bản sắc văn hóa, dân tộc.

- Công tác hỗ trợ đối với các cơ sở dự kiến tham gia Chương trình OCOP và số sản phẩm được công nhận:

+ Công tác hỗ trợ: Phối hợp Công ty HKB tư vấn sản phẩm OCOP, hỗ trợ về hồ sơ thủ tục cho 21 sản phẩm đăng ký tham gia Chương trình OCOP năm 2023 của 16 xã, thị trấn (trong đó 17 sản phẩm mới, 04 sản phẩm đề xuất nâng sao). Cụ thể: Xã Phước Hưng (Lạp xưởng Huỳnh Trang), xã Tân Sơn (Gạo Đài Thơm 8), xã Lưu Nghiệp Anh (Đường mía, Nước uống đóng chai Family), xã Kim Sơn (Tinh bột nghệ, Tranh gỗ), thị trấn Trà Cú (Yến sào Hoàng Tuấn, Bánh pía Tân Thêm), xã Thanh Sơn (Mật nạ chần của dân tộc Khmer), xã Hàm Tân (Lục bình gỗ, Chiếu Trúc Mai), xã Định An (Khô cá lóc, lù dù), xã Long Hiệp (Bột gạo lức), xã Tân Hiệp (Sọt đan lục bình), xã Ngãi Xuyên (Yến thô, Gạo Ngãi Xuyên), xã Đại An (Bộ đồ dùng sinh hoạt nông thôn thu nhỏ\_nâng chất), xã Ngọc Biên (Gạo Quê Tôi\_nâng sao), xã Tập Sơn (Lạp xưởng Ngọc Hương\_nâng sao), xã An Quảng Hữu (Bột nua\_tái công nhận và nâng sao).

+ Dự kiến sản phẩm được công nhận:

Đợt I/2023: có 02 sản phẩm mới của xã Lưu Nghiệp Anh (Sản phẩm Đường cát) và 01 sản phẩm tái công nhận sao của xã An Quảng Hữu ( sản phẩm Bột nua).

Đợt II/2023. có 14 sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.

## **c) Chương trình bố trí dân cư:**

Thực hiện dự án Di dân khẩn cấp khu vực sạt lở nguy hiểm xã Định An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. với diện tích 2,1 ha . Tổng số hộ tham gia dự án Có 69 hộ, 156 nhân khẩu làm đơn tự nguyện bố trí ổn định dân cư và bản cam kết. Trong đó: (Có 54 hộ, 115 nhân khẩu đang sinh sống trong khu vực sạt lở; Có 15 hộ, 41 nhân khẩu đã di dời khỏi khu sạt lở).

Tiến độ thực hiện: Hiện đang giai đoạn giải phóng mặt bằng

## **d) Kinh tế hợp tác và kinh tế trang trại:**

- **Hợp tác xã:** Trong 6 tháng đầu năm có 01 HTX mới thành lập ( HTXNN phú Nông, địa chỉ ấp Vân Ray A, xã Hàm Tân, có vốn điều lệ 180 triệu đồng, với 42 thành viên, nâng tổng số HTX đến nay 23 HTX, với 959

thành viên , tổng vốn điều lệ 24.082.600.000 đồng. Trong đó có 12 HTX hoạt động hiệu quả, 07 HTX không hoạt động và 04 HTX mới thành lập chưa đánh giá hiệu quả.

- **Tổ Hợp tác:** Đến nay trên địa bàn huyện có 231 THT với 4.011 thành viên (trong đó: lĩnh vực sản xuất nông nghiệp: 126 THT; lĩnh vực thủy sản: 15 THT; lĩnh vực chăn nuôi: 70 THT, lĩnh vực khác 20 THT); Trong đó 76 tổ hợp tác (THT) hoạt động tốt, 82 THT hoạt động khá, 69 THT hoạt động trung bình và 04 THT hoạt động kém. Số tổ hợp tác giải thể là 56 THT với 2.101 thành viên.

- **Kinh tế trang trại:** Đến nay huyện có 73 trang trại (02 trang trại chăn nuôi; 71 trang trại thủy sản). Tổng diện tích các trang trại 182,04 ha (trang trại chăn nuôi 1,14 ha; trang trại thủy sản 180,9 ha). Tổng vốn sản xuất các trang trại 217,925 tỷ (trang trại chăn nuôi 3,5 tỷ; trang trại thủy sản 214,425 tỷ). Tổng lao động làm việc các trang trại 236 lao động (trang trại chăn nuôi 07 lao động; trang trại thủy sản 229 lao động). Tổng giá trị sản xuất các trang trại 857,2 tỷ đồng (trang trại chăn nuôi 10,500 tỷ; trang trại thủy sản 846,7 tỷ).

#### **đ) Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:**

Toàn huyện có 25 trạm cấp nước tập trung. Trong đó: có 24 trạm do trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường NT tỉnh quản lý , còn 01 trạm do Cty cấp thoát nước tỉnh Trà Vinh quản lý.

Số hộ được lắp đặt đồng hồ nước mới trong tháng (đầu nối mới) 108, lũy kế đến kỳ báo cáo 31.129 hộ.

Tổng số hộ sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh 40.128 hộ đạt 100% số hộ. Trong đó: hộ sử dụng nước sạch 31.129 hộ/40.128 hộ, đạt 77,57% so với hộ sử dụng nước sinh hoạt.

#### **4. Kết quả thực hiện chuyển đổi sản xuất:**

Thực hiện chuyển đổi từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng khác được 154,9 ha (bắp 88,2 ha, đậu phộng 15,8 ha, mía 3,4 ha, cây có bột khác 0,3 ha, rau củ quả 13,4 ha, cỏ 4,9, cây ăn trái 0,5 ha, cây dừa 2,7 ha, kết hợp nuôi thủy sản 18,2 ha, chuyên nuôi thủy sản 7,5 ha).

#### **5. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành**

##### **a) Công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai:**

+ Thực hiện 97 công trình, chiều dài 48.822 m, khối lượng đào đắp 186.553 m<sup>3</sup>, đạt 100 % kế hoạch (97 công trình). Vớt lục bình trên kênh nội đồng 48.822 m<sup>2</sup>.

+ Công tác vận hành công: Phối hợp với xí nghiệp Thủy nông huyện vận hành các công đầu mối trên địa bàn huyện điều tiết nước phục vụ sản xuất lúa màu.

**b) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm và quản lý tàu cá và công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành.**

Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm:

- Phối hợp chi cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản tỉnh lấy mẫu thủy sản theo định kỳ 2 lần/ tháng.

- Tham gia tập huấn bồi dưỡng chứng chỉ lấy mẫu thực phẩm nông lâm sản và thủy sản tại Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản tỉnh Trà Vinh.

Quản lý tàu cá:

- Về công tác triển khai chiến dịch thông tin truyền thông trên địa bàn huyện, phổ biến quy định pháp luật về chống khai thác IUU.

+ Ban hành văn bản triển khai thực hiện: 01 kế hoạch, 03 công văn chỉ đạo.

+ Tuyên truyền phổ biến trực tiếp: 01 lớp, có 42 người dự, tổ chức tại thị trấn Định An.

+ Tuyên truyền phổ biến lồng ghép: 21 cuộc, 587 lượt người dự.

- Công tác tổ chức rà soát, thống kê toàn bộ số lượng tàu cá của huyện

+ Toàn huyện: 230 tàu cá (trong đó: tỉnh cấp giấy phép 186 tàu, huyện cấp giấy xác nhận 05 tàu, chưa đăng ký 39 tàu).

+ Số tàu còn hoạt động: 186 tàu (44 tàu giấy phép khai thác đã hết hạn).

+ Số tàu ngưng hoạt động: 12 tàu (07 tàu tỉnh quản lý, 05 tàu huyện quản lý), gồm có 01 tàu giải bản, 02 tàu nằm bờ do thiếu kinh phí, 02 tàu hư hỏng nặng, 07 tàu không hoạt động.

+ Số tàu bán đi nơi khác: 28 tàu (có 03 tàu bán ngoài tỉnh - Bến Tre).

+ Số tàu chưa đăng ký: 39 tàu, gồm có 36 tàu <12<sup>m</sup> và 03 tàu từ 12<sup>m</sup> đến <15<sup>m</sup>.

**c) Công tác phát triển khoa học công nghệ, khuyến nông và công tác giống.**

- Tập huấn kỹ thuật canh tác và phòng trừ sâu bệnh đầu vụ Hè thu được 5 cuộc có 185 nông dân tham dự, nâng lên tổng số cuộc tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật 20 cuộc có 741 người dự (*19 cuộc tập huấn kỹ thuật chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh trên lúa 716 người dự, 1 cuộc kỹ thuật nuôi thủy sản 25 người dự*).

- Triển khai thực hiện các mô hình sản xuất: Phối hợp với HTX Thành Trí xã Huyện Hội, huyện Càng Long triển khai mô hình liên kết trồng chanh không hạt dự kiến quy mô diện tích 06 ha tại xã Phước Hưng.

- Mô hình liên kết có hiệu quả: Trong 6 tháng đầu năm trên địa bàn huyện hình thành các mô hình liên kết có hiệu quả như: Mô hình liên kết trồng mía, mô hình liên kết trồng bắp giống, mô hình trồng lúa ST25, mô hình trồng ớt, mô hình trồng bí đỏ, mô hình nuôi cá lóc thương phẩm, mô hình nuôi cá thát lát, mô hình nuôi heo sinh học khép kín ... Cụ thể như sau:

+ Mô hình liên kết trồng mía: Diện tích 1.080 ha, thực hiện trên địa bàn 04 xã (Kim Sơn, Hàm Tân, Lưu Nghiệp Anh và An Quảng Hữu). Doanh nghiệp liên kết Công ty cổ phần Mía đường Trà Vinh.

+ Mô hình liên kết trồng bắp giống: Diện tích 82 ha, thực hiện trên địa bàn 02 xã (Ngọc Biên và Long Hiệp). Doanh nghiệp liên kết Công ty giống cây trồng Miền Nam.

+ Mô hình trồng lúa ST25: Diện tích 40 ha, thực hiện trên địa bàn xã (Ngọc Biên). Doanh nghiệp liên kết HTX NN Ngọc Biên.

+ Mô hình trồng ớt: Diện tích 15 ha, thực hiện trên địa bàn xã (Ngọc Biên). Doanh nghiệp liên kết HTX NN Thành Công.

+ Mô hình trồng bí đỏ: Diện tích 67,5 ha, thực hiện trên địa bàn xã (Hàm Giang và Đại An). Doanh nghiệp liên kết Huỳnh Thị Kiều (Vĩnh Long)

+ Mô hình nuôi cá lóc thương phẩm: Diện tích 61,7 ha, thực hiện trên địa bàn xã (Hàm Tân, Kim Sơn và Đại An). Doanh nghiệp liên kết (DNTN Minh Đức Đại An và Đại lý Phước)

+ Mô hình nuôi cá thát lát: Diện tích 15 ha, thực hiện trên địa bàn xã (Kim Sơn). Doanh nghiệp liên kết (Cơ sở Hồng Hà)

+ Mô hình nuôi heo sinh học khép kín: Quy mô 3.000 con/ lứa, thực hiện trên địa bàn xã (Ngọc Biên). Doanh nghiệp liên kết (Công ty CP)

#### **d) Kết quả triển khai thực hiện các chính sách:**

- Chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Đã lập kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn thuộc lĩnh vực nông nghiệp, gồm: chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản, chăm sóc tạo dáng hoa kiểng tại các xã, thị trấn 35 lớp, số lượng 630 học viên. Kinh phí thực hiện 1.515.937.500 đồng ( Một tỉ, năm trăm mười lăm triệu, chín trăm ba mươi bảy ngàn, năm trăm đồng). Đang chờ phê duyệt.

- Chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp: Đã triển khai thực hiện Chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp năm 2023 theo Quyết định số 2288/QĐ- UBND ngày 24/11/2022. Hiện đang chờ kết quả rà soát của các xã.

### **6. Nhận xét, đánh giá**

#### **a) Đạt được, nguyên nhân**

Nguồn nước ngọt luôn đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất vụ lúa, màu, giá lúa, màu, cá lóc hiện ở mức cao, tạo động lực tích cực cho người sản xuất.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Lãnh đạo Huyện Ủy, Ủy ban nhân dân huyện về phát triển sản xuất, các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và người dân quan tâm thực hiện, nên diện tích sản xuất lúa màu, chăn nuôi, thủy sản luôn ổn định, tình hình sâu bệnh trên màu, bệnh hại trên thủy sản có xuất hiện nhưng ở mức độ thấp, tình hình bệnh trên đàn gia súc, gia cầm tuy có xảy ra nhưng với sự vào cuộc của các cấp nên không đáng kể.

## **b) Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân**

Giá cả một số mặt hàng nông sản thường xuyên không ổn định, giá tôm thẻ ở mức thấp, thức ăn chăn nuôi, thủy sản ở mức cao..., nông dân sản xuất gặp nhiều khó khăn về tái sản xuất.

Tình hình chăn nuôi: giá bò, heo, gà từng lúc xuống thấp; bệnh dịch tả heo châu phi, lở mồm long móng, viêm da nổi cục luôn tiềm ẩn, khó lường, gây khó khăn trong định hướng phát triển tăng đàn của người chăn nuôi.

Thời tiết nắng nóng, mưa nhiều nên ảnh hưởng đến tình hình sinh trưởng và phát triển cây trồng nhất là cây trồng cạn.

## **II. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC 06 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ KẾ HOẠCH 06 THÁNG CUỐI NĂM 2023.**

### **1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn**

#### **a) Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản:**

##### **- Trồng trọt:**

+ Theo dõi tình hình sâu bệnh trên lúa Hè thu, xuống giống lúa Thu Đông - Mùa và Đông Xuân năm 2023- 2024, cây màu vụ mùa. Đồng thời tổ chức thực hiện đầu tư nhân rộng các mô hình sản xuất lúa an toàn theo hướng hữu cơ, mô hình lúa chất lượng cao, liên kết và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, nhân rộng các mô hình có hiệu quả, Tổ chức hội thảo, triển khai và nhân rộng mô hình sản xuất có hiệu quả...

+ Chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa, mía kém hiệu quả, khuyến khích trồng những cây màu chủ lực có giá trị kinh tế cao, đầu ra ổn định. Đặc biệt là các mô hình có liên kết đầu vào, đầu ra sản phẩm theo chuỗi giá trị.

- **Chăn nuôi:** Phối hợp UBND các xã, thị trấn tổ chức tiêm phòng LMLM, Viêm da nổi cục,...; Theo dõi tình hình vận chuyển, kiểm soát giết mổ, dịch bệnh trên đàn vật nuôi để kịp thời phòng chống dịch bệnh đạt hiệu quả. Đặc biệt dịch tả heo châu phi, tụ huyết trùng cấp trên gia súc. Đồng thời tổ chức tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi.

+ Chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện phun xịt tiêu độc khử trùng đảm bảo theo số lần quy định trong công tác dập dịch bệnh.

+Tiếp tục tiêm phòng vaccine. kiểm soát tình hình mua bán, vận chuyển gia súc, gia cầm, sản phẩm gia súc, gia cầm vào địa phương; xử lý nghiêm đối với các trường hợp vận chuyển, buôn bán sản phẩm gia súc, gia cầm không rõ nguồn gốc.

-**Thủy sản:** Phối hợp UBND các xã, thị trấn theo dõi tiến độ thả nuôi, thu hoạch thủy sản; tập huấn và tư vấn hộ về kỹ thuật nuôi, hướng dẫn nông dân phòng trị bệnh kịp thời trên cá lóc và tôm thẻ, tôm sú... Tổ chức đầu tư mô hình mới và tổng kết mô hình sản xuất có hiệu quả.

#### **b) Phát triển nông thôn:**

- Xây dựng nông thôn mới:

**\* Công tác lãnh đạo, chỉ đạo chương trình.**

- Tiếp tục nâng cao vai trò, trách nhiệm cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là vai trò người đứng đầu trong xây dựng nông thôn mới.

- Chỉ đạo các các ngành, địa phương tiếp tục rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, giai đoạn 2021 - 2025 và đề ra kế hoạch hoàn thành xây dựng huyện nông thôn mới năm 2023.

**\* Công tác tuyên truyền xây dựng nông thôn mới**

Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền và tổ chức các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới từ huyện đến xã nhằm nâng cao nhận thức trong mọi người dân, đặc biệt trong công tác tuyên truyền vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế, tổ chức sản xuất, xây dựng cảnh quan môi trường “sáng - xanh - sạch - đẹp”,...

**\* Công tác đào tạo, tập huấn, công nhận ấp, hộ, xã nông thôn mới**

Tham mưu Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt của các xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới.

**\* Công tác phân bổ và giải ngân nguồn vốn**

Ban Chỉ đạo huyện sử dụng tốt nguồn vốn được phân bổ của Nhà nước; tiếp tục huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, tín dụng và nhân dân trong quá trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn được phân bổ trong năm 2023.

- Chương trình OCOP: Vận động các chủ thể có tiềm năng phát triển sản phẩm OCOP. Cũng cố các sản phẩm chủ lực của địa phương đã có sản phẩm, thương hiệu, tuyên truyền, vận động các chủ thể nâng cao chất lượng sản phẩm và tham gia đánh giá xếp hạng trong đợt 2/2023), phấn đấu đến cuối năm có 17 xã thị trấn có sản phẩm OCOP.

- Chương trình bố trí dân cư: Tiếp tục thực hiện dự án Di dân khẩn cấp khu vực sạt lở nguy hiểm xã Định An, huyện Trà Cú

- Kinh tế hợp tác:

+ Phối hợp các xã thành lập mới, củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ hợp tác và hợp tác xã trên địa bàn huyện.

+ Tổ chức rà soát, kiểm tra, đánh giá hoạt động các HTX trên địa bàn huyện; vận động giải thể đối với các HTX ngưng hoạt động, hoạt động không hiệu quả; hỗ trợ các HTX hoạt động yếu kém; củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012

+ Xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Kế toán hợp tác xã. tập huấn cho các tổ hợp tác chuyển đổi sang Nghị định 77/2020/NĐ-CP.



- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

Chỉ đạo các xã tiếp tục vận động nhân dân đầu nối ống nước ở các đài nước của xã vào sử dụng.

## **2. Công tác chuyên ngành**

### **a) Công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai**

- Phối hợp cơ quan chuyên môn tỉnh và địa phương tuyên truyền vận động người dân, sớm giải quyết, tháo gỡ những vướng mắc để thực hiện thi công công trình đúng theo kế hoạch

- Tiếp tục khảo sát khắc phục các đoạn đê bị sạt lở, giao tuyến và nghiệm thu; giải ngân các công trình thi công theo kế hoạch đề ra. Đồng thời vận hành điều tiết nước tại các cống đầu mối phục vụ chăm sóc lúa Hè Thu; và xuống giống màu.

### **b) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý tàu cá và thanh tra chuyên ngành.**

- Phối hợp với Chi cục Quản lý chất lượng Nông - lâm - Thủy sản tỉnh thu mẫu phân tích chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm. Đồng thời phối hợp Ban ngành huyện tổ chức kiểm tra, thu mẫu về vệ sinh ATVSTP trên địa bàn huyện.

- Tiếp tục Phối hợp cơ quan chuyên môn tỉnh kiểm tra các đại lý phân bón thuốc bảo vệ thực vật thức ăn chăn nuôi, hóa chất dùng trong chăn nuôi thủy sản.

- Tiếp tục phối hợp với ngành chuyên môn tỉnh thực hiện công tác triển khai thông tin truyền thông trên địa bàn huyện, phổ biến quy định pháp luật về chống khai thác IUU

### **c) Công tác phát triển khoa học công nghệ, khuyến nông, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu.**

- Tiếp tục phối hợp với các công ty, doanh nghiệp triển khai mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

- Công tác chuyển giao KHKT: Chỉ đạo cơ quan chuyên môn huyện, phối hợp cơ quan chuyên môn tỉnh và UBND các xã tập huấn chuyển giao KHKT gắn với cơ cấu mùa vụ, xây dựng mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị

- Xây dựng mô hình sản xuất lúa kết hợp nuôi tôm càng xanh theo hướng hữu cơ tại xã Định An, diện 11ha.

### **d) Thực hiện các chính sách**

Tiếp tục chỉ đạo các xã chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện của địa phương, nhằm phát huy thế mạnh của vùng theo kế hoạch đề ra. Nhất là chuyển đổi đất trồng giống tạp, vườn tạp và đất mía kém hiệu quả. Tổng hợp số liệu, đề xuất hỗ trợ theo Nghị quyết 03/2021 ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

## **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Kiến nghị Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh sớm tham mưu trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất Dự án: Di dân khẩn cấp khu vực sạt lở nguy hiểm xã Định An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Kiến nghị Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn bố trí kinh phí xây dựng đê bao ở 02 xã Định An và Hàm Tân. (đê bao Nam Rạch Cá, chiều dài khoảng 6 km, đê bao Nam Tổng Long, chiều dài khoảng 8 km) hiện nay có nhiều đoạn sạt lở nghiêm trọng cần phải khắc phục sớm.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm và kế hoạch thực hiện 6 tháng cuối năm 2023 của phòng NNPTNT huyện Trà Cú./.

**Nơi nhận:**

- Sở NN-PTNT TV(b/c);
- VP.Huyện uỷ(b/c);
- VP.HĐND-UBND huyện(b/c);
- LD phòng;
- Các Trạm trực thuộc;
- Lưu: VT.

**TRƯỞNG PHÒNG**



**Huỳnh Văn Thảo**